



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Bộ môn : Kinh doanh chứng khoán



TÀI LIỆU HỌC TẬP

➔ BẮT BUỘC

- Giáo trình Thị trường chứng khoán – PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, NXB ĐHQGHN, 2018-2019
- Sách Hệ thống Câu hỏi và Bài tập Thị trường chứng khoán – PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương, NXB ĐHQGHN, 2020
- Slide môn học Thị trường chứng khoán, download tại:
<http://hvnh.edu.vn/fin/vi/home.html>

➔ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình Những vấn đề cơ bản về CK và TTCK – TS. Đào Lê Minh, NXB Lao động, 2009
- Nhà đầu tư thông minh – Benjamin Graham, NXB Nhã Nam, 2017 (The Intelligent Investor, Benjamin Graham, Collins Business Essentials, 2006)

NỘI DUNG MÔN HỌC

1

Tổng quan về TTCK

2

Thị trường sơ cấp

3

Thị trường thứ cấp

4

Phân tích chứng khoán

Chương 1 : Tổng quan thị trường chứng khoán

- ➔ Quá trình hình thành và phát triển TTCK
- ➔ Khái niệm, đặc điểm TTCK
- ➔ Nguyên tắc hoạt động, chức năng, vai trò của TTCK
- ➔ Cơ cấu TTCK
- ➔ Hàng hóa trên TTCK
- ➔ Các chủ thể tham gia TTCK

Lịch sử ra đời

- ➔ TK 17 tại Hà Lan – SGDCK Amsterdam
- ➔ Hàng hóa giao dịch trên thị trường từ giấy tờ có giá, trái phiếu, cổ phiếu, đến công cụ phái sinh.
- ➔ Địa điểm giao dịch có sự thay đổi từ không có địa điểm cụ thể ➔ “chợ ngoài trời” ➔ SGDCK
- ➔ Phương thức giao dịch thay đổi từ giao dịch thủ công -> bán tự động -> tự động hoàn toàn
- ➔ Một số giai đoạn đáng chú ý của TTCK : 1929 – 1933 ; 1987; 2008 - 2009

Bản chất Thị trường chứng khoán?

- ➔ TTCK là nơi tập trung và phân phối các nguồn vốn tiết kiệm hoặc tạm thời nhàn rỗi.
- ➔ TTCK là định chế tài chính trực tiếp
- ➔ TTCK thực chất là quá trình vận động của tư bản tiền tệ, chuyển tư bản tiền tệ từ tư bản sở hữu sang tư bản kinh doanh.

Chức năng của TTCK

- ➔ Công cụ huy động vốn đầu tư cho nền kinh tế
- ➔ Công cụ tăng tiết kiệm quốc gia
- ➔ Cung cấp khả năng thanh khoản cho các chứng khoán
- ➔ Đánh giá giá trị tài sản của doanh nghiệp và tình hình nền kinh tế

Nguyên tắc hoạt động

⇒ *Nguyên tắc trung gian*

- Người mua và người bán chứng khoán

⇒ *Nguyên tắc đấu giá*

- Cung cầu chứng khoán

⇒ *Nguyên tắc công khai thông tin*

- Công khai thông tin trên thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp.

Mục tiêu của TTCK

- ⇒ Hoạt động có hiệu quả
- ⇒ Điều hành công bằng
- ⇒ Phát triển ổn định



Cơ cấu của TTCK

➔ Căn cứ vào phương thức giao dịch

- Thị trường sơ cấp
- Thị trường thứ cấp

➔ Căn cứ vào tính chất đăng ký

- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Thị trường OTC
- Thị trường tự do

➔ Căn cứ vào công cụ lưu thông

- Thị trường cổ phiếu
- Thị trường trái phiếu
- Thị trường công cụ phái sinh

Hàng hóa trên TTCK

➔ Chứng khoán

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng khoán phái sinh
- Chứng chỉ quỹ đầu tư

Chứng khoán

Chứng khoán là là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, bao gồm các loại sau đây: Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ; quyền mua cổ phần, chứng quyền, chứng quyền có bảo đảm, chứng chỉ lưu ký, chứng khoán phái sinh, các loại chứng khoán khác do Chính phủ quyết định.

(Luật CK)

Đặc điểm của chứng khoán

⇒ Có ba thuộc tính là tính sinh lời, tính rủi ro và tính thanh khoản.

- Sinh lời = lợi tức + chênh lệch giá
- Rủi ro : là sự biến động của thu nhập kỳ vọng
- Thanh khoản : khả năng chuyển đổi chứng khoán thành tiền và tài sản khác.

⇒ Xác nhận quyền hợp pháp của chủ sở hữu chứng khoán, bao gồm:

- Quyền sở hữu (đối với chứng khoán vốn).
- Quyền chủ nợ (đối với chứng khoán nợ).
- Quyền về tài chính có liên quan đến chứng khoán (đối với các chứng khoán phái sinh)

⇒ Được pháp luật bảo hộ thông qua luật chứng khoán

Cổ phiếu

Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

(Luật CK)

A faint, light blue world map is visible in the background of the lower half of the slide, centered behind the text.

Đặc điểm của cổ phiếu

- ➡ Cổ phiếu là loại chứng khoán vốn
- ➡ Cổ phiếu là một loại chứng khoán vô thời hạn



Phân loại

➔ **Cổ phiếu thường** : là một loại chứng khoán vốn, không có kỳ hạn, tồn tại cùng với sự tồn tại của công ty.

- Quyền: nhận cổ tức, biểu quyết, mua cổ phần, nhận lại tài sản khi thanh lý,...

➔ **Cổ phiếu ưu đãi** :

- Ưu đãi cổ tức
- Ưu đãi biểu quyết
- Ưu đãi có thể thu hồi

Hình thức giá trị của cổ phiếu thường

⇒ Mệnh giá

- Giá trị danh nghĩa của cổ phiếu
- Xác định mức VĐL của công ty cổ phần, cổ tức chi trả theo mệnh giá.

⇒ Thị giá

- Xác định thông qua cung cầu cổ phiếu trên thị trường

⇒ Giá trị sổ sách

- Xác định trên sổ sách kế toán của công ty

⇒ Giá trị hiện tại

- Thông qua các phương pháp định giá → xác định giá trị thực của cổ phiếu (giá trị hiện tại)

Một số thuật ngữ

⇒ **Cổ phiếu được phép phát hành**

- Cổ phiếu công ty được phép phát hành đã đăng ký trong điều lệ

⇒ **Cổ phiếu đã phát hành**

- Cổ phiếu đã được phát hành

⇒ **Cổ phiếu đang lưu hành**

- Cổ phiếu đã được phát hành và đang lưu hành

⇒ **Cổ phiếu quỹ**

- Cổ phiếu đã phát hành được tổ chức phát hành mua lại trên thị trường.

Trái phiếu

****Trái phiếu là một loại chứng khoán quy định nghĩa vụ của người phát hành (người đi vay) phải hoàn trả cho sở hữu chứng khoán (người cho vay/chủ nợ) khoản tiền gốc khi đến hạn và một khoản tiền nhất định (lãi) trong khoảng thời gian nhất định.**

****Trái phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của tổ chức phát hành
(Luật CK)**

Quyền và Nghĩa vụ

➔ **Trái chủ là người cho vay, do đó họ phải có quyền lợi và nghĩa vụ đối với khoản vay này, đó là:**

- Được hưởng lợi tức trái phiếu (trái tức) không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty (nếu là trái phiếu công ty)
- Được hoàn vốn đúng hạn hay trước hạn tùy thuộc vào quy định trong bản quảng cáo phát hành.
- Được quyền bán, chuyển nhượng, chuyển đổi, cầm cố
- Được thanh toán trước các cổ phiếu khi công ty thanh lý, giải thể(nếu là trái phiếu công ty)

Đặc điểm

⇒ Mệnh giá

- Giá danh nghĩa của TP, được ghi trên bề mặt TP

⇒ Thời hạn

- Là thời gian đáo hạn của TP, khoảng thời gian từ khi phát hành cho tới khi chấm dứt khoản nợ

⇒ Lãi suất

- Là tỷ lệ % số tiền lãi mà tổ chức phát hành cam kết trả cho người nắm giữ TP theo mệnh giá TP

⇒ Giá phát hành

- Là giá bán ra của TP tại thời điểm phát hành
- Giá phát hành có thể lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng mệnh giá TP

⇒ Kỳ trả lãi

- Khoảng thời gian người phát hành trả lãi cho người nắm giữ TP

Phân loại Trái phiếu

➔ **Tính chất chuyển nhượng**

- TP vô danh, TP ký danh

➔ **Hình thức góp vốn**

- TP hiện kim, TP hiện vật

➔ **Phương thức trả lãi**

- TP Coupon, TP zero Coupon (TP gộp, TP chiết khấu)

➔ **Chủ thể phát hành**

- TP chính phủ, TP công ty, TP địa phương

Quyền mua cổ phần

Quyền mua cổ phần là loại chứng khoán do công ty cổ phần phát hành nhằm mang lại cho cổ đông hiện hữu quyền được mua cổ phần mới theo điều kiện đã được xác định

(Luật CK)

A faint, light blue world map is visible in the background of the slide, centered behind the text.

Đặc điểm quyền mua cổ phần

⇒ Thời hạn quyền mua

- Thường ngắn , tối đa bằng thời gian đợt phát hành

⇒ Giá cổ phiếu ghi trên quyền mua thường thấp hơn giá thị trường hiện hành của cổ phiếu.

Chứng quyền

Chứng quyền là loại chứng khoán được phát hành cùng với việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi, cho phép người sở hữu chứng khoán được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông nhất định theo mức giá đó được xác định trước trong thời kỳ nhất định..

(Luật CK)

Đặc điểm chứng quyền

➔ Mục đích

- Nhằm tăng tính hấp dẫn của đợt phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc trái phiếu

➔ Thời hạn chứng quyền

- Thường dài
- Giá cổ phiếu ghi trên chứng quyền cao hơn giá thị trường hiện hành của cổ phiếu đó.

Chứng khoán phái sinh

- ⇒ Quyền chọn
- ⇒ Hợp đồng tương lai



Chứng khoán phái sinh

Chứng khoán phái sinh là công cụ tài chính dưới dạng hợp đồng, bao gồm hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai, hợp đồng kỳ hạn, trong đó xác nhận quyền, nghĩa vụ của các bên đối với việc thanh toán tiền, chuyển giao số lượng tài sản cơ sở nhất định theo mức giá đã được xác định trong khoản thời gian hoặc vào ngày đã xác định trong tương lai.

(Luật CK)

Hợp đồng Quyền chọn

Quyền chọn là một hợp đồng cho phép người nắm giữ nó được mua [nếu là quyền chọn mua (calls)] hoặc được bán [nếu là quyền chọn bán (puts)] một khối lượng hàng hoá cơ sở nhất định tại một mức giá xác định và trong thời gian nhất định.

➔ **Có hai loại quyền chọn**

- Quyền chọn mua – Call Option
- Quyền chọn bán – Put Option

Hợp đồng quyền chọn

➔ Hợp đồng quyền chọn là loại chứng khoán phái sinh, xác nhận quyền của người mua và nghĩa vụ của người bán để thực hiện một trong các giao dịch sau đây:

- Mua hoặc bán số lượng tài sản cơ sở nhất định theo mức giá thực hiện đã được xác định tại thời điểm trước hoặc vào ngày đã xác định trong tương lai;
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã được xác định tại thời điểm giao kết kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại thời điểm trước hoặc vào ngày đã xác định trong tương lai

(Luật CK)

So sánh Call – Put Option

Chủ thể	Call Option	Put Option
Người mua quyền chọn	<ul style="list-style-type: none">- Kỳ vọng giá tăng trong tương lai- Lợi nhuận lớn- Lỗ tối đa bằng phí	<ul style="list-style-type: none">- Kỳ vọng giá cổ phiếu giảm trong tương lai- Lợi nhuận giới hạn- Lỗ tối đa bằng phí
Người bán quyền chọn	<ul style="list-style-type: none">- Kỳ vọng giá cổ phiếu giảm hoặc không đổi- Khả năng thu lợi nhuận giới hạn, tối đa bằng phí- Khả năng thua lỗ rất lớn	<ul style="list-style-type: none">- Kỳ vọng giá cổ phiếu tăng trong tương lai- Lợi nhuận giới hạn, tối đa bằng phí- Khả năng thua lỗ rất lớn

Chứng quyền có bảo đảm

➔ Covered Warrant (CW):

CW là chứng khoán có tài sản đảm bảo do CTCK phát hành. Người sở hữu sẽ có quyền (không phải nghĩa vụ) mua hoặc bán chứng khoán cơ sở tại một mức giá xác định trước, vào trước hoặc tại một thời điểm cụ thể trong tương lai.

Chứng khoán cơ sở

Là cổ phiếu, chỉ số hoặc ETF đáp ứng các tiêu chí của UBCKNN.

Trong giai đoạn đầu, CKCS là cổ phiếu thuộc VN30 hoặc HNX30 đáp ứng các tiêu chí về giá trị vốn hóa, thanh khoản, tỷ lệ chuyển nhượng tự do

Tiêu chí	Quyền chọn	Chứng quyền	Chứng quyền có đảm bảo
Tổ chức phát hành	SGDCK thiết kế với các điều khoản được chuẩn hóa.	Doanh nghiệp phát hành đi kèm với cổ phiếu ưu đãi or trái phiếu ưu đãi	Tổ chức tài chính (thường là CTCK).
Phí phát hành	Không thu phí phát hành và niêm yết	Tổ chức phát hành trả phí phát hành và NY	Tổ chức phát hành trả phí phát hành và NY
Tài sản cơ sở	Cổ phiếu đơn lẻ, chỉ số CK, ETF, tiền tệ,...	Cổ phiếu phổ thông của DN phát hành	Cổ phiếu đơn lẻ, chỉ số CK, ETF, tiền tệ,...

Tiêu chí	Quyền chọn	Chứng quyền	Chứng quyền có đảm bảo
Giá thực hiện	Có nhiều giá thực hiện	Có 1 mức giá thực hiện	Có nhiều giá thực hiện
Vị thế giao dịch	Nhà đầu tư có thể bán quyền chọn khi không sở hữu	Nhà đầu tư chỉ được bán khi sở hữu chứng quyền	Nhà đầu tư chỉ được bán khi sở hữu chứng quyền
Điều khoản của sản phẩm	SGDCK thiết kế và chuẩn hóa về cấu trúc, quy mô, điều khoản về thực hiện quyền và chuyển giao tài sản cơ sở	Do tổ chức phát hành quy định và khác nhau đối với từng sản phẩm	Do tổ chức phát hành quy định và khác nhau đối với từng sản phẩm

Tiêu chí	Quyền chọn	Chứng quyền	Chứng quyền có đảm bảo
Chuyển giao tài sản khi thực hiện quyền	-Việc chuyển giao tài sản được thực hiện bởi các nhà đầu tư -Không làm gia tăng vốn đối với tổ chức phát hành tài sản cơ sở	-Được thực hiện bởi công ty phát hành với nhà đầu tư -Gia tăng vốn cổ phần của tổ chức phát hành	-Được thực hiện bởi Tổ chức tài chính (CTCK) với những người sở hữu chứng quyền có bảo đảm. -Không làm gia tăng vốn đối với tổ chức phát hành tài sản cơ sở

Hợp đồng tương lai

- **Hợp đồng tương lai là loại chứng khoán phái sinh niêm yết, xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau đây:**
 - Mua hoặc bán số lượng tài sản cơ sở nhất định theo mức giá đã được xác định vào ngày đã xác định trong tương lai
 - Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở vào ngày đã xác định trong tương lai.

(Luật CK)

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Hợp đồng tương lai là CKPS đáp ứng tiêu chuẩn niêm yết của SGDCK, trong đó một bên cam kết mua hoặc bán một lượng tài sản cơ sở nhất định theo mức giá (hoặc giá trị) đã được xác định trước và tại một thời điểm xác định trong tương lai.

(*HNX*)

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tiêu chí	Hợp đồng tương lai	Chứng khoán cơ sở
Mục đích giao dịch	Mua với kỳ vọng giá tăng và Bán với kỳ vọng giá giảm	
	<u>Phòng hộ rủi ro</u> biến động giá	<u>Đầu tư</u> vào doanh nghiệp, cổ tức, lãi trái phiếu,...
Đặc điểm giao dịch	Giao trong <u>tương lai</u> tại ngày đáo hạn	Giao <u>ngay</u>
	Bắt buộc sử dụng <u>ký quỹ</u> để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán	Đảm bảo <u>đủ</u> số tiền, chứng khoán
	Margin: là <u>khoản đặt cọc</u> nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán	Margin: sử dụng <u>tiền vay</u> của CTCK để mua CK
Niêm yết	<u>Không giới hạn</u> số lượng	<u>Giới hạn</u> bằng khối lượng đã phát hành của TCPH
Chu kỳ thanh toán	Hàng ngày	T+2

Chứng chỉ quỹ đầu tư

Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán là chứng khoán *xác nhận quyền sở hữu của người đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ đầu tư chứng khoán*

(Luật CK)

NAV của chứng chỉ quỹ đầu tư

⇒ Quỹ đầu tư dạng đóng

- Giá có thể cao hơn hoặc thấp hơn NAV
- Thường thấp hơn NAV ở mức chiết khấu D
- D thông thường là 5 % – 20%

$$D = \frac{(NAV - MV)}{NAV}$$

MV : Giá thị trường của 1 chứng chỉ

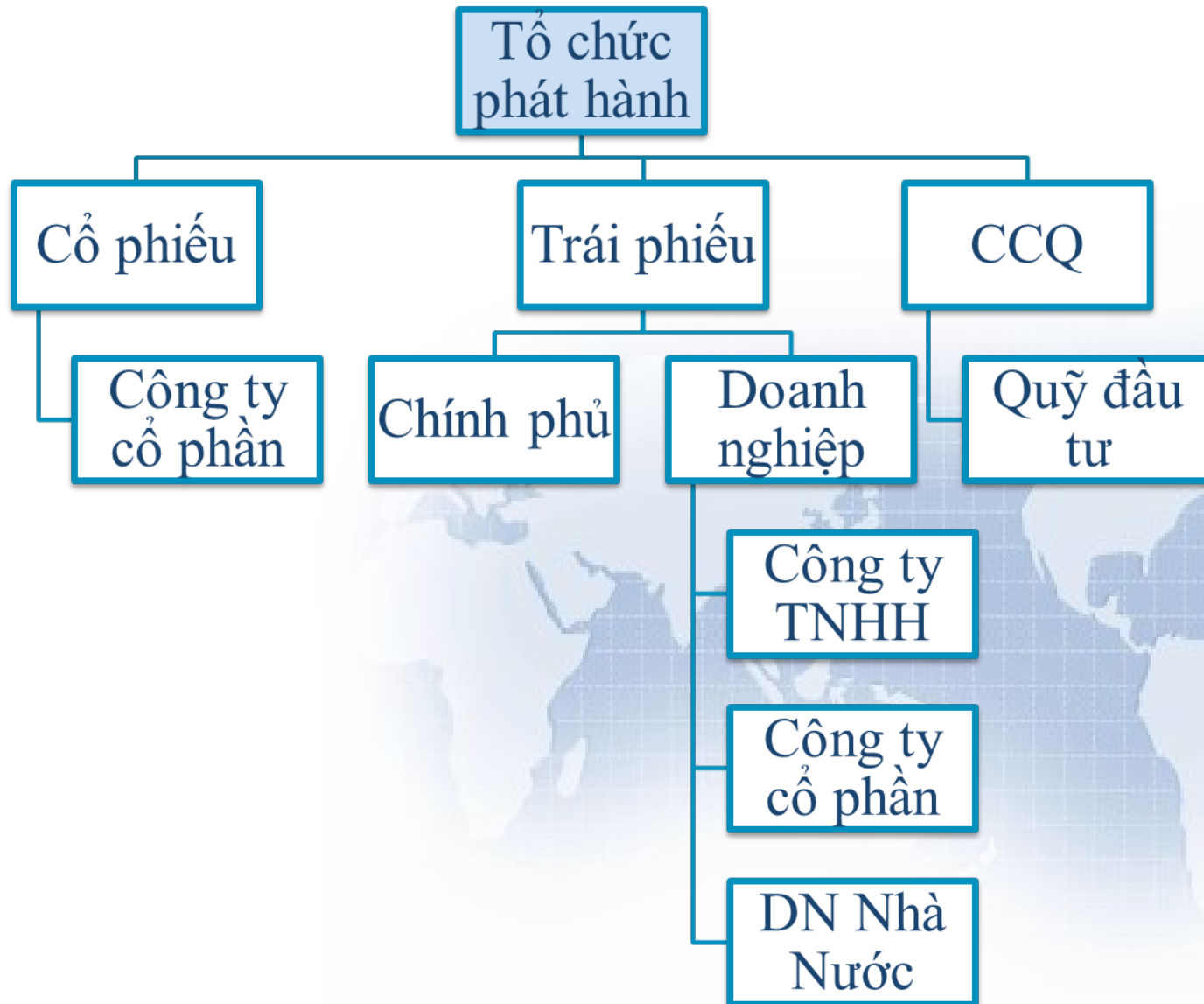
NAV của chứng chỉ quỹ đầu tư

$$\text{NAV/CCQ} = \frac{(\text{Tổng Tài sản của quỹ đầu tư} - \text{Nợ})}{\text{Tổng số chứng chỉ đang lưu hành}}$$

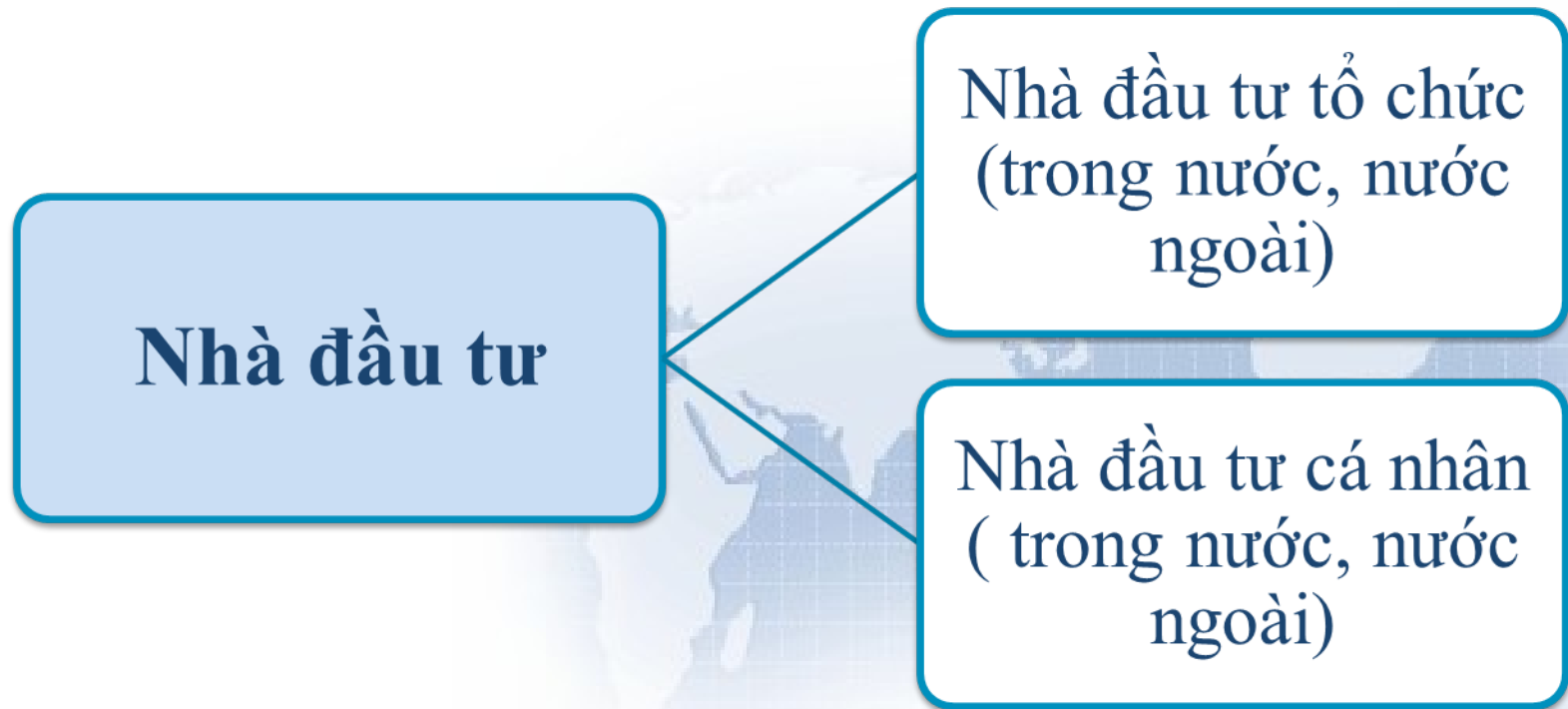
Chủ thể tham gia thị trường

- ⇒ Tổ chức phát hành
- ⇒ Nhà đầu tư
- ⇒ Chủ thể kinh doanh
- ⇒ Tổ chức quản lý giám sát thị trường
- ⇒ Tổ chức hỗ trợ thị trường

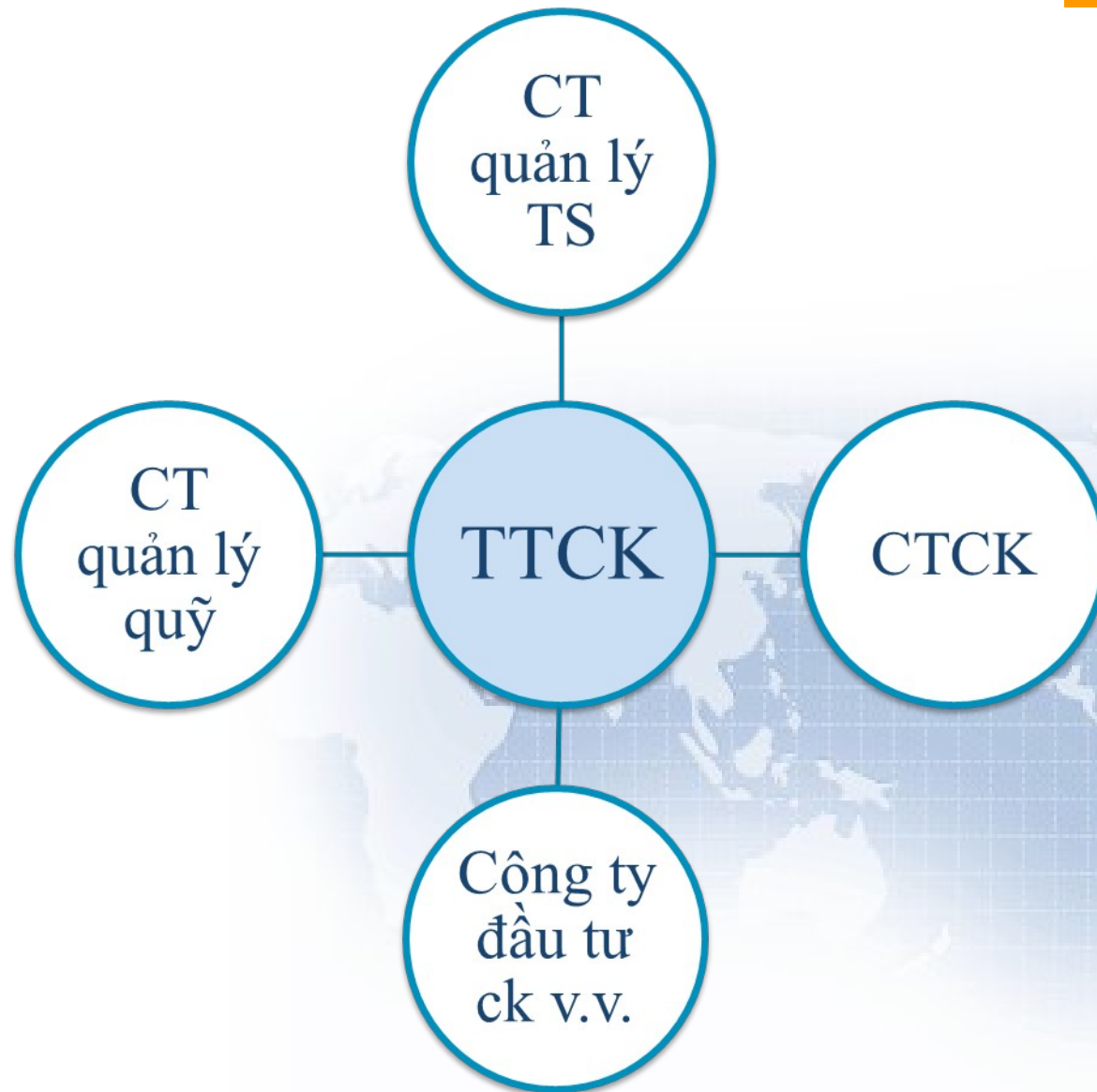
Tổ chức phát hành



Nhà đầu tư



Tổ chức kinh doanh trên thị trường



Quỹ đầu tư

➔ **Quỹ đầu tư chứng khoán là quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư với mục đích thu lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc vào các tài sản khác, kể cả bất động sản, trong đó nhà đầu tư không có quyền kiểm soát hằng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ.**

(Luật CK)

Quỹ đầu tư tại Việt Nam



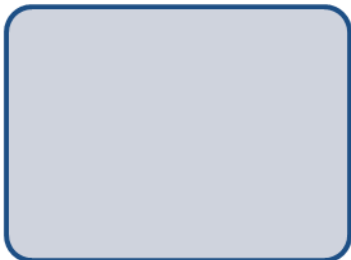
Quỹ Đóng

Quỹ Mở



Quỹ thành viên

Quỹ đại chúng



Quỹ hoán đổi danh mục (ETF)

Quỹ đầu tư bất động sản

Quỹ đầu tư dạng đóng – mở

Quỹ đóng



Là quỹ đại chúng mà chúng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư

Quỹ mở



Là quỹ đại chúng mà chúng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư

Công ty chứng khoán

➔ Một số nghiệp vụ của CTCK

- Môi giới
- Tự doanh
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn

➔ Điều kiện thành lập hoạt động của CTCK

- Vốn điều lệ
- Nhân sự
- Cơ sở vật chất

Công ty chứng khoán

Công ty chứng khoán được là tổ chức tài chính trung gian được thành lập hợp pháp và thực hiện một hoặc một số loại hình kinh doanh chứng khoán”.



ĐẶC ĐIỂM

- ➔ *Đặc điểm về vốn.*
- ➔ *Đặc điểm về nhân sự và đội ngũ lãnh đạo.*
- ➔ *Đặc điểm về cơ sở vật chất kỹ thuật.*
- ➔ *Đặc điểm về xung đột lợi ích giữa quyền lợi của khách hàng và công ty chứng khoán.*

VAI TRÒ CỦA CTCK

- ➔ *Vai trò làm cầu nối giữa cung – cầu chứng khoán*
- ➔ *Vai trò góp phần điều tiết và bình ổn giá trên thị trường*
- ➔ *Vai trò cung cấp các dịch vụ cho thị trường chứng khoán*



NGHIỆP VỤ KINH DOANH

- ➔ ***Môi giới chứng khoán*** là việc làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng.”
- ➔ ***Tự doanh chứng khoán*** là việc công ty chứng khoán mua hoặc bán chứng khoán cho chính mình
- ➔ ***Bảo lãnh phát hành chứng khoán*** là việc cam kết với tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành phân phối chứng khoán ra công chúng.”

NGHIỆP VỤ KINH DOANH

- ➔ *Tư vấn đầu tư chứng khoán* là việc cung cấp cho nhà đầu tư kết quả phân tích, công bố báo cáo phân tích và khuyến nghị liên quan đến chứng khoán.”
- ➔ “*Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán* là việc quản lý theo ủy thác của từng nhà đầu tư trong việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán và các tài sản khác.”

Nghệp vụ kinh doanh của CTCK Việt Nam

➔ Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện một, một số hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh sau đây:

- Môi giới
 - Tự doanh chứng khoán
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán
-
- *CTCK chỉ được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh khi được cấp phép thực hiện nghiệp vụ môi giới*
 - *CTCK chỉ được cấp phép thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành CK khi được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh*

NGHIỆP VỤ KINH DOANH

➔ **Nghệp vụ khác**

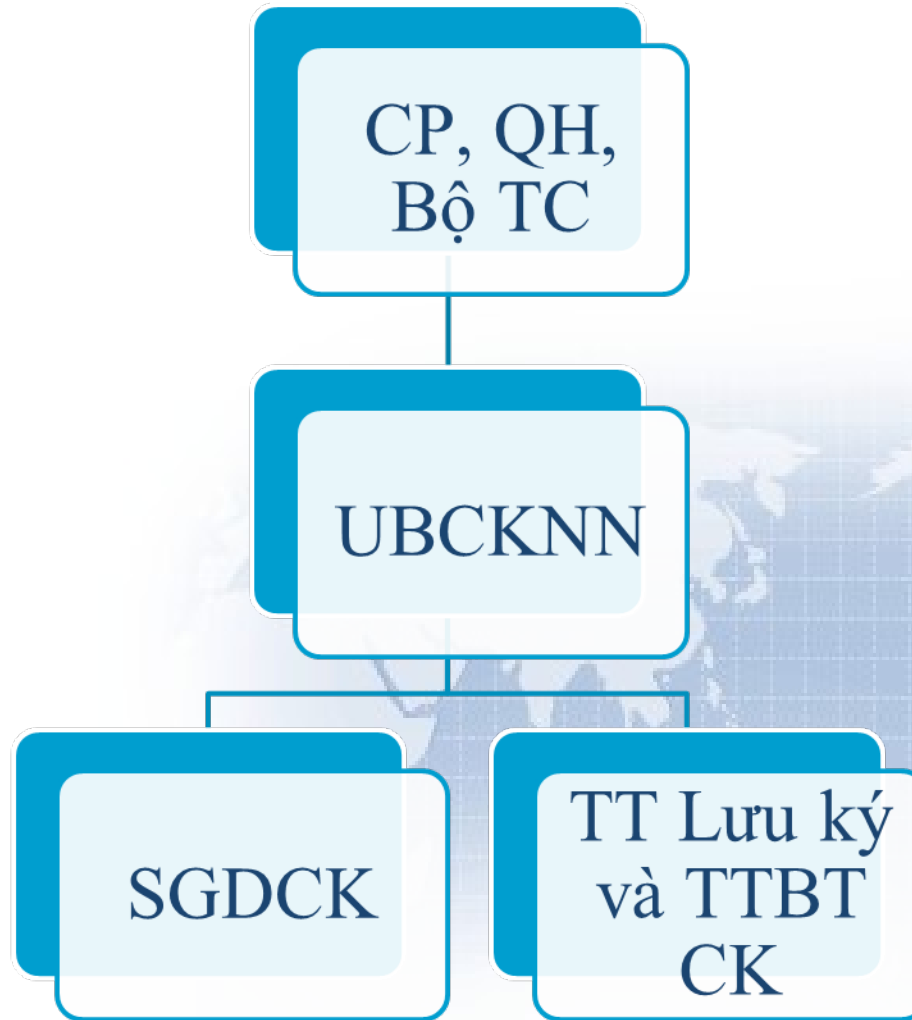
Công ty chứng khoán ở một số nước có thể thực hiện nghiệp vụ cho khách hàng vay tiền để mua CK hoặc vay CK để bán.

-Mua ký quỹ

-Bán khống

-Lưu ký chứng khoán

Tổ chức quản lý giám sát thị trường



Tổ chức hỗ trợ thị trường



A faint, light blue world map is visible in the background, centered behind the text. The map shows the continents and is overlaid with a subtle grid pattern.

CHƯƠNG 2

THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

NỘI DUNG

- ➔ Phân loại nghiệp vụ phát hành
- ➔ Phương thức phát hành chứng khoán
- ➔ Nghiệp vụ phát hành chứng khoán



Nghiệp vụ phát hành chứng khoán

➔ Theo đợt phát hành

- Phát hành lần đầu
- Phát hành bổ sung

➔ Đối tượng mua bán chứng khoán

- Phát hành riêng lẻ
- Phát hành ra công chúng

➔ Theo giá phát hành

- Phát hành với giá cố định
- Phát hành bằng phương pháp đấu giá

Điều kiện, thủ tục phát hành

➔ Điều kiện phát hành

- Vốn
- Kết quả kinh doanh
- Phương án phát hành
- V.v.

➔ Thủ tục phát hành

- Hồ sơ chào bán chứng khoán

(Tham khảo Chương II (Chào bán chứng khoán) – Luật CK 2019)

Phương thức phát hành

➔ Tự phát hành

- Tổ chức phát hành tự chào bán chứng khoán mà không cần thông qua một tổ chức trung gian.

➔ Bảo lãnh phát hành

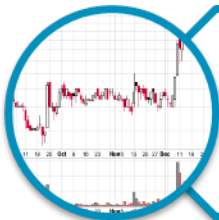
➔ Đấu giá cổ phần (đấu thầu)

Bảo lãnh phát hành

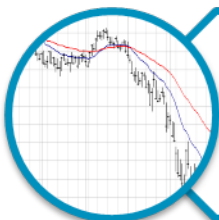
Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc tổ chức **bảo lãnh** cam kết với tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ các tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

(Luật CK)

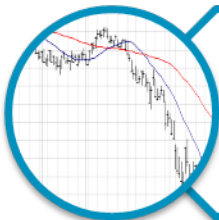
Các phương thức bảo lãnh



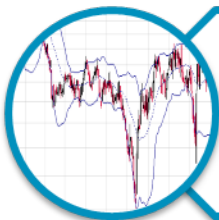
Bảo lãnh với cam kết chắc chắn



Bảo lãnh với cố gắng tối đa



Bảo lãnh tất cả hoặc không



Bảo lãnh tối thiểu – tối đa

ĐẤU THẦU – ĐẤU GIÁ

➔ Đấu thầu kiểu Hà Lan

- Cơ chế giá thống nhất

➔ Đấu thầu kiểu đa giá

- Cơ chế đa giá

Kết hợp đấu thầu cạnh tranh và không cạnh tranh: người tham gia đấu thầu không cạnh tranh sẽ được giải quyết tại giá trúng thầu duy nhất (nếu hình thức đấu thầu theo kiểu Hà Lan), hoặc giá trúng thầu bình quân (nếu hình thức đấu thầu theo kiểu đa giá)

ĐẤU THẦU – ĐẤU GIÁ

CỔ PHIẾU

- ➔ Đấu thầu kiểu đa giá
- ➔ Giá khởi điểm : giá thấp
- ➔ Tiền cọc : 10% tính trên giá khởi điểm
- ➔ Ưu tiên cho người đặt thầu ở mức giá cao

TRÁI PHIẾU

- ➔ Đấu thầu kiểu Hà Lan, đấu thầu kiểu đa giá
- ➔ Lãi suất chỉ đạo: lãi suất cao nhất
- ➔ Tiền cọc : 5% tính trên giá trị đặt thầu
- ➔ Ưu tiên cho người đặt thầu ở mức lãi suất thấp

Nghịệp vụ phát hành cổ phiếu

➔ Phát hành cổ phiếu khi thành lập công ty cổ phần

- Vốn điều lệ được chia nhỏ thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần

➔ Phát hành cổ phiếu khi công ty tăng vốn

- Phát hành cổ phiếu mới thu tiền mặt
- Phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ
- Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức
- Phát hành cổ phiếu mới bằng hiện vật
- Phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nghị quyết phát hành cổ phiếu

➔ Trường hợp đặc biệt

- Phát hành cổ phiếu thưởng, bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên, theo chương trình lựa chọn người lao động
- Phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược
- Phát hành cổ phiếu để hoán đổi
- Sẽ không điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

ĐIỀU CHỈNH GIÁ TẠI NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN (UBCKNN)

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1}) + (I_2 \times P_{r2}) + (I_3 \times P_{r3}) - TTH_{cp} - Div_{cp} - TTH_t - Div_t}{I_1 + I_2 + I_3} \quad 1+$$

Trong đó:

- ➔ P_{tc} : Giá tham chiếu trong ngày không hưởng các quyền trên
- ➔ I_1 : Tỷ lệ vốn tăng theo phát hành quyền mua cổ phiếu
- ➔ I_2 : Tỷ lệ vốn tăng do phát thưởng bằng cổ phiếu
- ➔ I_3 : Tỷ lệ vốn tăng do phát cổ tức bằng cổ phiếu
- ➔ TTH_{cp} : Giá trị tiền thưởng bằng cổ phiếu
- ➔ Div_{cp} : Giá trị cổ tức bằng cổ phiếu
- ➔ TTH_t : Giá trị tiền thưởng bằng tiền
- ➔ Div_t : Giá trị cổ tức bằng tiền
- ➔ P_{r1} : Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu
- ➔ P_{r2} : Giá cổ phiếu tính cho người được thưởng bằng cổ phiếu
- ➔ P_{r2} : Giá cổ phiếu tính cho người được nhận cổ tức bằng cổ phiếu

ĐIỀU CHỈNH GIÁ TẠI NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN

$$P_1 = \frac{N(P_0 - D) + n_1 p_1 + n_2 p_2 + n_3 p_3}{N + n_1 + n_2 + n_3}$$

N : Số CP đã phát hành

n_i : Số CP phát hành mới

P_0 : Giá tham chiếu của CP chưa điều chỉnh

p_i : Giá CP phát hành mới

P_1 : Giá tham chiếu của CP tại ngày GDKHQ

Q_m : Giá trị quyền mua

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU BỔ SUNG

➔ Phát hành cổ phiếu kèm quyền mua cổ phần cho các cổ đông hiện tại

$$Q_m = p_0 - p_1$$

$$p_1 = \frac{Np_0 + np}{N + n}$$

N : Số CP đã phát hành

n : Số CP phát hành mới

p_0 : Giá trước khi tăng vốn

p : Giá CP phát hành mới

p_1 : Giá CP sau khi tăng vốn

Q_m : Giá trị quyền mua

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

- ➔ Phát hành cổ phiếu và phân phối cho cổ đông hiện hữu
- ➔ Nguồn: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ thặng dư vốn (bao gồm cả chênh lệch giá mua vào và bán ra cổ phiếu quỹ), lợi nhuận tích lũy, quỹ dự trữ khác (nếu có).

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

$$Q_c = p_0 - p_1$$

N : Số CP đã phát hành

n : Số CP phát hành mới

p_0 : Giá trước khi tăng vốn

p_1 : Giá CP sau khi tăng vốn

Q_c : Giá trị quyền cấp

$$p_1 = \frac{Np_0}{N + n}$$

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có đủ nguồn thực hiện từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính gần nhất có xác nhận của kiểm toán.

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

- **Nhằm gắn bó người lao động với công ty, công ty đại chúng có thể bán hoặc thưởng cổ phần cho người lao động hoặc phát hành quyền mua cổ phần cho người lao động.**
- **Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty phải đảm bảo các điều kiện: có chương trình lựa chọn và kế hoạch phát hành cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua; tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình không được vượt quá tỷ lệ nhất định vốn cổ phần đang lưu hành của công ty**

Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi TPCĐ

⇒ Thời điểm phát hành TPCĐ

- SGDCK không điều chỉnh giá tham chiếu
- SGDCK điều chỉnh biên độ giao động giá
- Quy định tỷ lệ mua TPCĐ theo tỷ lệ quyền của cổ đông trong công ty.

⇒ Thời điểm chuyển đổi TPCĐ

Điều chỉnh giá của HNX

- ➡ Trường hợp giao dịch chứng khoán không được hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - a) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - b) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành cao hơn giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh theo các quyền khác (nếu có).
- ➡ Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.
- ➡ Trong một số trường hợp cần thiết, SGDCKHN có thể áp dụng phương pháp xác định giá tham chiếu khác sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều chỉnh giá của HSX

- ➔ ***Các trường hợp SGDCK TP.HCM điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ:***
 - ➔ Trường hợp giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ không được hưởng cổ tức hoặc các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị các quyền kèm theo.
 - ➔ Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.
- ➔ ***Các trường hợp SGDCK TP.HCM không điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ:***
 - ➔ Trường hợp giá phát hành quyền mua của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lớn hơn giá đóng cửa của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trước ngày không hưởng quyền.
 - ➔ Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi (kể cả phát hành cho cổ đông hiện hữu), phát hành chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán cho nhà đầu tư không phải là cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty và các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu.



CHƯƠNG 3

THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

NỘI DUNG

⇒ **Sở giao dịch chứng khoán**

- Sở giao dịch chứng khoán
- Niêm yết chứng khoán trên SGDCK
- Giao dịch chứng khoán trên SGDCK
- Một số giao dịch đặc biệt

⇒ **Thị trường phi tập trung – OTC**

- Sự khác biệt giữa OTC và SGDCK

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Sở giao dịch chứng khoán là nơi mua bán các chứng khoán đáp ứng đủ điều kiện tiêu chuẩn niêm yết.



MỤC ĐÍCH HOẠT ĐỘNG

- ➔ Tạo thị trường cho giao dịch chứng khoán diễn ra liên tục
- ➔ Xác định giá công bằng
- ➔ Cung cấp thông tin : chứng khoán niêm yết, các thông tin liên quan tới công ty,...
- ➔ **Nhiệm vụ chủ yếu của Sở:** *tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán cho chứng khoán của tổ chức phát hành đủ điều kiện niêm yết tại SGDCK*

THÀNH VIÊN CỦA SGDCK

➔ Tiêu chuẩn thành viên

- Năng lực tài chính
- Cơ sở vật chất
- Năng lực kinh nghiệm
- Chấp hành các quy định của SGDCK

Thành viên của SGDCK

➔ Thành viên của SGDCK Việt Nam bao gồm:

- Thành viên giao dịch là công ty chứng khoán được SGDCK Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên giao dịch;
- Thành viên giao dịch đặc biệt là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác được Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên giao dịch đặc biệt.

(Luật CK)

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN

Quyền

- ➔ Giao dịch chứng khoán tại SGD
- ➔ Nhận thông tin
- ➔ Lựa chọn dịch vụ
- ➔ Thu phí dịch vụ từ khách hàng
- ➔ Biểu quyết HĐQT(Sở hữu công ty cổ phần)

Nghĩa vụ

- ➔ Thanh toán các khoản phí
- ➔ Chịu sự giám sát của SGDCK
- ➔ Báo cáo thông tin
- ➔ Hỗ trợ các thành viên khác
- ➔ Tuân thủ các quy định khác

NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

- ➔ Niêm yết chứng khoán là việc ghi danh các chứng khoán *đủ tiêu chuẩn vào danh mục đăng ký và giao dịch tại SDGCK*
- ➔ Tổ chức niêm yết là tổ chức phát hành *được phép niêm yết chứng khoán trên SGD*

PHÂN LOẠI NIÊM YẾT

⇒ Niêm yết lần đầu

- Lần đầu tiên tiến hành niêm yết cổ phiếu trên thị trường.

⇒ Niêm yết bổ sung

- Tổ chức phát hành tiến hành niêm yết thêm một lượng cổ phiếu trên thị trường.

⇒ Niêm yết chéo

- Niêm yết giữa các thị trường khác nhau.

⇒ Niêm yết cửa sau

- Sử dụng trong các trường hợp thu tóm, sáp nhập.

TIÊU CHUẨN NIÊM YẾT

01. Số lượng

Mức độ vốn
Thời gian HĐ
Khả năng sinh lợi
Tỷ lệ nợ

02. Chất lượng

Mức độ lợi ích quốc gia
Vị trí của Cty
Triển vọng Cty



03. Định tính

Ý kiến của kiểm toán
Thông tin
Chứng khoán

THỦ TỤC NIÊM YẾT

Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết lên SGDCK



Thẩm định hồ sơ



Nộp đơn xin phép niêm yết chính thức lên SGD



Kiểm tra niêm yết



Chấp thuận niêm yết



Niêm yết

THUẬN LỢI – BẤT LỢI

Thuận lợi

- ➔ Thu hút vốn cao
- ➔ Chi phí huy động thấp
- ➔ Quan hệ công chúng rộng
- ➔ Thanh khoản cao

Bất lợi

- ➔ Công bố thông tin
- ➔ v.v.

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI SGDCK

⇒ **Lệnh**

- ATO – ATC
- LO
- MP
- SO (Stop order)
- Định chuẩn lệnh (Lệnh kèm điều kiện)

⇒ **Khớp lệnh**

- Khớp lệnh định kỳ
- Khớp lệnh liên tục

⇒ **Quy định về giao dịch**

LỆNH

➔ **Lệnh là yêu cầu mua bán (chỉ thị) của nhà đầu tư gửi tới nhân viên môi giới**

➔ **Một số loại lệnh phổ biến**

- **Lệnh giới hạn – LO**
- **Lệnh ATO – ATC**
- **Lệnh Thị trường – MP (MO)**

LỆNH GIỚI HẠN - LO

➔ **Lệnh giới hạn là lệnh đặt mua, đặt bán chứng khoán ở giá đã định hoặc tốt hơn.**

➔ **Đặc điểm**

- Đưa ra mức giá cụ thể khi đặt lệnh
- Thực hiện ở giá đã định hoặc tốt hơn
- Không đảm bảo được thực hiện ngay

LỆNH ATO - ATC

➔ **Lệnh ATO – ATC là lệnh mua, bán ở mức giá mở cửa (đóng cửa) của cổ phiếu**

➔ **Đặc điểm**

- Có hiệu lực trong phiên định kỳ xác định giá mở cửa (đóng cửa) của cổ phiếu
- Không đưa ra mức giá cụ thể
- Thực hiện ở mức giá mở cửa (đóng cửa)
- Ưu tiên thực hiện trước lệnh LO khi so khớp

LỆNH THỊ TRƯỜNG- MP

➔ **Lệnh thị trường là lệnh mua bán ở mức giá tốt nhất hiện có trên thị trường**

➔ **Đặc điểm**

- Có hiệu lực trong phiên khớp lệnh liên tục
- Không đưa ra mức giá cụ thể
- Thực hiện ở mức giá tốt nhất hiện có trên thị trường
- Ưu tiên thực hiện trước các lệnh khác khi so khớp
- Lệnh Thị trường chỉ được nhập vào hệ thống khi có lệnh LO đối ứng
- Nếu dư, lệnh Thị trường sẽ chuyển thành lệnh LO ngay sau đó với giá thực hiện gần nhất cộng hoặc trừ 01 đơn vị yết giá tương ứng với lệnh mua hoặc bán

LỆNH DỪNG – ĐỊNH CHUẨN LỆNH

- ➔ **Lệnh dừng mua và lệnh dừng bán**
- ➔ **Mục đích:** Phòng ngừa thua lỗ hoặc bảo vệ lợi nhuận
- ➔ **Định chuẩn lệnh:** Lệnh thực hiện ngay hoặc hủy bỏ, lệnh thực hiện tất cả hoặc không, lệnh có giá trị trong ngày...

KHỚP LỆNH

- ➔ Được diễn ra trên hệ thống giao dịch của SGDCK
- ➔ Dựa trên nguyên tắc đấu giá
- ➔ Có 2 cách thức so khớp
 - Khớp lệnh định kỳ
 - Khớp lệnh liên tục

KHỚP LỆNH ĐỊNH KỲ

➡ Là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán *trong một khoảng thời gian nhất định.*

➡ Nguyên tắc khớp lệnh

Giá khớp lệnh là giá có khối lượng giao dịch lớn nhất

VÍ DỤ

Tích lũy	NĐT	Lệnh mua	Giá	Lệnh Bán	NĐT	Tích lũy	Khớp lệnh
5000	A	5,000	105,000	2000		13900	5000
5000		0	102,000	1200		11900	5000
6000	B	1,000	100,000	1,500	E	10700	6000
7500	C	1,500	99,500	700		9200	7500
10000		2,500	<u>99,000</u>	7,500	F,G	8500	<u>8500</u>
18000	D	8,000	98,000	1,000	H	1000	1000

KHỚP LỆNH LIÊN TỤC

➡ Là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở so khớp cách lệnh mua và lệnh bán *ngay khi các lệnh được nhập vào hệ thống.*

➡ Nguyên tắc khớp lệnh

Khớp theo giá của người đặt lệnh trước

VÍ DỤ

Thời gian	Nhà đầu tư	KL mua	Giá	KL bán	Giá
10h1	A	1000	50.5		
10h2	B			700	50
10h3	C			500	51
10h4	D	2000	52		
10h5	E			3200	MP

Thời gian	KL mua	Giá	KL bán
10h1	Không có giao dịch		
10h2	A-700	50.5	B-700
10h3	Không có giao dịch		
10h4	D-500	51	C-500
10h5	D-1500	52	E-1500
	A- 300	50.5	E-300

QUY TẮC GIAO DỊCH– TTCK VN

- ⇒ Chu kỳ thanh toán
- ⇒ Đơn vị giao dịch
- ⇒ Đơn vị yết giá
- ⇒ Biên độ giao động
- ⇒ Giao dịch ký quỹ

Tham khảo tại trang web của HOSE và HNX : hsx.vn; hnx.vn

UPCoM

- ➔ **UPCoM : thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết**
- ➔ **Được tổ chức tại SGDCK Hà Nội**

UPCoM

Tiêu chí	UPCoM
Đơn vị giao dịch	Không quy định
Khối lượng giao dịch	Tối thiểu 100 cp và không quy định với TP
Đơn vị yết giá	CP: 100, không quy định với trái phiếu
Biên độ giao động	$\pm 15 \%$ với cổ phiếu, không quy định với trái phiếu
Phương thức giao dịch	Giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận.
Phương thức và thời gian thanh toán	<ul style="list-style-type: none">- $KLGD \geq 100.000$ CP : Thanh toán trực tiếp, T+1- $KLGD \leq 100.000$ CP : Thanh toán bù trừ đa phương, T+3- TP : Thanh toán bù trừ đa phương , T+1

Thị trường chứng khoán phi tập trung - OTC

Thị trường dành cho giao dịch các *chứng khoán không được niêm yết trên SGDCK* (Các chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch hoặc đủ điều kiện nhưng không niêm yết trên SGDCK)

Sự khác biệt giữa Sở giao dịch và OTC?

THỊ TRƯỜNG OTC

- ➡ - *Thị trường OTC truyền thống* là thị trường áp dụng phương thức giao dịch thỏa thuận qua điện tín, điện thoại,... trên cơ sở hệ thống các nhà tạo lập thị trường.
- ➡ - *Thị trường OTC hiện đại* là thị trường sử dụng hệ thống báo giá trung tâm hoặc hệ thống nhà tạo lập thị trường dựa trên mạng điện tử diện rộng (ECN) dưới sự quản lý của trung tâm điều hành với phương thức giao dịch chủ yếu là thương lượng, thỏa thuận đồng thời có thể kết hợp phương thức khớp lệnh tập trung.

ĐẶC ĐIỂM

➔ *Hình thức tổ chức thị trường OTC*

Thị trường OTC được tổ chức theo hình thức phi tập trung, không có địa điểm giao dịch tập trung

➔ *Các loại chứng khoán giao dịch trên thị trường OTC*

Các chứng khoán giao dịch trên thị trường OTC chủ yếu là những chứng khoán chưa đủ tiêu chuẩn niêm yết trên Sở giao dịch

➔ *Cơ chế xác lập giá trên thị trường OTC*

xác lập giá trên cơ sở thương lượng, thỏa thuận

ĐẶC ĐIỂM

⇒ *Hệ thống các nhà tạo lập thị trường*

Xu hướng chung của các thị trường OTC hiện đại là thiết lập và phát triển hệ thống các nhà tạo lập thị trường.

⇒ *Cơ chế thanh toán trên thị trường OTC*

Cơ chế thanh toán trên thị trường OTC khá linh hoạt, thời hạn thanh toán không cố định mà rất đa dạng, có thể là $T+0$, $T+1$, $T+2$, $T+x$

⇒ *Quản lý, giám sát thị trường OTC*

Thị trường OTC được tổ chức quản lý theo hai cấp, đó là cấp quản lý nhà nước và cấp tự quản (Hiệp hội các nhà kinh doanh chứng khoán).

VAI TRÒ

1

Mở rộng
hoạt động
của thị
trường thứ
cấp

2

Hỗ trợ hoạt
động của
SGDCK

3

Hạn chế tối
thiểu mức
biến động
giá CK

SGDCK - OTC

Tiêu chí	SGDCK	OTC
Hình thức tổ chức	Tập trung	Phi tập trung
Hàng hóa	Chất lượng cao hơn trên thị trường OTC	Bao gồm nhiều hàng hóa khác nhau, chất lượng thấp đến cao
Cơ chế xác lập giá	Thông qua đấu giá	Thỏa thuận, có thể có đấu giá đối với 1 số giao dịch nhỏ
Cơ quan quản lý	UBCK NN	Hiệp hội các nhà kinh doanh chứng khoán
Cơ chế thanh toán	Theo chu kỳ thanh toán được quy định, có thể là T+2,T+3	Linh hoạt, thời gian thanh toán đa dạng.

1.Hàng hóa	Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, trái phiếu đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK TP. HCM	Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, trái phiếu đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK TP. HN	Cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi đăng ký giao dịch tại sàn Upcom - SGDCK Hà Nội
2.Thời gian	Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định của Bộ Luật Lao động		
	9:00 đến 9h15: Mở cửa phiên sáng, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATO, giới hạn (LO) 9h15-11h30': Khớp lệnh liên tục I -Phiên sáng :Lệnh sử dụng LO, MP	Từ 9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng LO, Lệnh thị trường (MOK,MAK, MTL)	Từ 9h00 đến 11h30: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng LO
	9h00-11h30: Giao dịch thỏa thuận	9h00'-11h30': Giao dịch thỏa thuận	
	11h30 đến 13h00: Nghỉ		
	13h00-14h30: Khớp lệnh liên tục II -Phiên chiều :Lệnh sử dụng LO, MP	Từ 13h00 đến 14h30: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng LO, Lệnh thị trường (MOK,MAK, MTL)	Từ 13h00 đến 15:00: Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng LO
	14h30 đến 14h45: Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO)	Từ 14h30- 14h45: Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO) Lệnh ATC: Chỉ được hủy, không được sửa; Trong 5 phút cuối phiên tất cả các loại lệnh không được hủy, sửa) Từ 14h45-15h00: Khớp lệnh sau giờ - PLO, khớp theo giá đóng cửa	

2. Thời gian	13h00-15h00: Giao dịch thỏa thuận		
	Đối với trái phiếu: Chỉ có phương thức giao dịch thỏa thuận từ 9h00 đến 11h30 và từ 13h00 đến 15h00	13h00-15h00: Giao dịch thỏa thuận	
	Đóng cửa Thị Trường : 15h00		
3 : Phươn g thức giao dịch	Giao dịch khớp lệnh:		
	a. Phương thức khớp lệnh định kỳ		
	So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên mở cửa (9h15) và đóng cửa (14h45)	So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên đóng cửa (14h45)'. 	Không áp dụng
	b.Phương thức khớp lệnh liên tục so khớp ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch		
	Chỉ áp dụng cho giao dịch CP/CCQ.	Áp dụng cho cả CP và Trái phiếu	
	c.Giao dịch thỏa thuận : các bên mua bán thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch.Sau đó, giao dịch sẽ được công ty chứng khoán thành viên bên bán và mua nhập vào hệ thống giao dịch để ghi nhận kết quả (Áp dụng cho cả CP/ TP/CCQ)		
	d. Nguyên tắc so khớp lệnh		
	(i) Ưu tiên về giá: Các lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước; các lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước. (ii) Ưu tiên về thời gian: Đối với các lệnh mua (hoặc lệnh bán) có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước Nếu các lệnh đối ứng cùng thỏa mãn nhau về giá thì giá khớp sẽ là giá của lệnh được nhập vào hệ		

	ATO (ATC): Là lệnh đặt mua /bán chứng khoán tại mức giá mở cửa (đóng cửa)._ * Là lệnh không ghi giá cụ thể, ghi ATO/ATC * Lệnh được ưu tiên trước lệnh L.O trong khi khớp lệnh và tự động hủy nếu không khớp.	Chỉ áp dụng lệnh ATC	Không áp dụng
4. Loại lệnh	Lệnh thị trường: là lệnh mua tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh thị trường được sử dụng trong đợt giao dịch khớp lệnh liên tục. Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng		Không áp dụng
	Loại lệnh thị trường áp dụng (MP) : * MP: Phần còn lại của lệnh chưa được khớp (nếu có) sẽ chuyển thành lệnh giới hạn tại mức giá mua cao hơn (hoặc giá bán thấp hơn) một bước giá so với mức giá khớp cuối cùng.	Loại lệnh thị trường áp dụng (MAK, MOK, MTL) * MOK (Match or Kill): Lệnh thị trường với thuộc tính FOK (Fill or Kill). Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy toàn bộ lệnh * MAK (Match and Kill) : Lệnh thị trường với thuộc tính FAK (Fill and Kill). Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy phần còn lại của lệnh * MTL (Market to limit): Lệnh thị trường – Giới hạn: Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.	
	L.O (Lệnh giới hạn) * Là lệnh mua/bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. * Là lệnh có ghi giá cụ thể. * Hiệu lực của lệnh: đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.		

5. Giá tham chiếu (TC)	Giá tham chiếu được tính bằng giá khớp lệnh của phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa của ngày giao dịch liền trước		Giá TC là bình quân gia quyền các mức giá thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch liền trước đó.
6. Biên độ dao động giá	a/ CP/CCQ: $\pm 7\%$ Giá trần = Giá tham chiếu + 7% Giá sàn = Giá tham chiếu – 7% b/ Trái phiếu: không quy định.	a. Cổ phiếu : $\pm 10\%$ Giá trần = Giá tham chiếu + 10% Giá sàn = Giá tham chiếu – 10% b. Trái phiếu : Không quy định	a. Cổ phiếu : $\pm 15\%$ Giá trần = Giá tham chiếu + 15% Giá sàn = Giá tham chiếu – 15% b. Trái phiếu : Không quy định
	Trường hợp giá trần và giá sàn của CP,CCQ sau khi điều chỉnh theo biên độ giao động vẫn bằng với giá tham chiếu , giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá ; Giá sàn = Giá tham chiếu - một đơn vị yết giá		
	c/ CP/CCQ ngày giao dịch đầu tiên:	c/ CP ngày giao dịch đầu tiên/Ngưng 25 phiên giao dịch liên tiếp:	
	CP- CCQ phải có mức giá khởi điểm do tổ chức tư vấn xác định và được sở GD chấp thuận làm giá tham chiếu		
	Biên độ dao động giá: tối thiểu $\pm 20\%$	Biên độ dao động giá: $\pm 30\%$	$\pm 40\%$ so với giá tham chiếu
	Cách thức đặt lệnh CP/CCQ ngày giao dịch đầu tiên giống như CP/CCQ đang niêm yết (Tuy nhiên không cho phép thực hiện lệnh giao dịch thỏa thuận)	Đối với cổ phiếu mới được niêm yết và cổ phiếu bị tạm ngưng giao dịch trên 25 phiên, trong ngày giao dịch đầu tiên hoặc ngày giao dịch trở lại; không được thực hiện giao dịch thỏa thuận cho đến khi có giá cơ sở được xác lập	

	a/ Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ	a/ Cổ phiếu	a/ Cổ phiếu/Trái phiếu
7. Đơn vị giao dịch	<i>Áp dụng cho GD khớp lệnh.</i>		
	1 lô = 100 CP/CCQ	1 lô = 100 CP	1 lô = 100 CP/100 TP
	Lô chặn: bội số của 100 từ 100 – 19.900	Lô chặn: bội số của 100, từ 100	Lô chặn: bội số của 100, từ 100
	Lô lẻ: 1-99 CP/CCQ	Lô lẻ 1-99 CP	Lô lẻ: 1-99CP/TP
	<i>Áp dụng cho GD thỏa thuận.</i>		
	SL ≥ 20.000	SL ≥ 5.000 CP	Không quy định
	b/ Trái phiếu	b/ Trái phiếu	
	Giao dịch thỏa thuận	Khớp lệnh liên tục: từ 100 Trái phiếu. Lô chặn: bội số của 100, từ 100	
	Không quy định SL	KL thỏa thuận: ≥ 1000 Trái phiếu.	
		Lô lẻ 1-99 TP	

8. Bước giá	<p>a/ CP/CCQ</p> <p>Thị giá < 10.000 đồng: 10 đồng.</p> <p>Thị giá từ 10.000 – 49.950 đồng: 50 đồng.</p> <p>Thị giá ≥ 50.000 đồng: 100 đồng.</p> <p>b/ Trái phiếu</p> <p>Không quy định.</p> <p>c/ ETF</p> <p>10 đồng với mọi mức thị giá</p>	<p>a/ Cổ phiếu</p> <p>Bước giá: 100 đồng .</p> <p>Không quy định bước giá đối với giao dịch thỏa thuận</p> <p>b/ Trái phiếu</p> <p>Không quy định.</p>
9. Giao dịch lô lẻ	<p>Không được phép đặt lệnh trên sàn</p> <p>Giao dịch ngoài sàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục và phương thức thỏa thuận - Chỉ được phép nhập lệnh LO (hủy/ sửa lệnh tương tự đối với giao dịch lô chẵn) - Đơn vị giao dịch là 01 cổ phiếu/Trái phiếu (1-99) - Giá giao dịch: tương tự giao dịch lô chẵn; các lệnh giao dịch lô lẻ không được sử dụng để xác định giá tham chiếu, giá tính chỉ số. - Không được phép thực hiện trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới niêm yết / ngày giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch 25 ngày cho đến khi có giá đóng cửa được xác lập.

	Loại lệnh	Lịch phong tỏa tiền (lệnh mua), chứng khoán (lệnh bán)	Lịch thanh toán tiền (ghi giảm tiền trên tài khoản khách hàng với lệnh Mua; ghi tăng tiền trên tài khoản khách hàng với lệnh bán)	Lịch thanh toán chứng khoán (ghi giảm CK trên tài khoản khách hàng với lệnh bán; ghi tăng CK trên tài khoản khách hàng với lệnh mua)
10. Thời hạn thanh toán	Lệnh MUA Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	Từ T+0 đến T+2	T+2	T+2
	Lệnh MUA Trái phiếu	Từ T+0 đến T+1	T+1	T+1
	Lệnh BÁN Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	Từ T+0 đến T+2	T+2	T+2
	Lệnh BÁN Trái phiếu	Từ T+0 đến T+1	T+1	T+1
11. Phương thức nhận lệnh	Giao dịch trực tiếp tại sàn Giao dịch qua điện thoại Giao dịch trực tuyến			

Mỗi nhà đầu tư chỉ có thể mở 1 tài khoản tại 01 công ty chứng khoán và được phép mở tài khoản ở nhiều công ty chứng khoán

Nhà đầu tư có thể cùng mua và bán 1 loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong cùng ngày. Tuy nhiên không được cùng tồn tại 2 lệnh Mua/ bán chứng khoán này ở trạng thái đang chờ khớp

Nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ chứng khoán khi đặt lệnh bán và đủ tiền ký quỹ khi đặt lệnh mua theo quy định .

Trong thời gian nghỉ giữa phiên giao dịch : Nhà đầu tư có thể đặt lệnh mới (lệnh chờ chuyển vào sàn giao dịch) cho phiên giao dịch buổi chiều qua Dịch vụ giao dịch trực tuyến từ 11.30h đến 13h hoặc tại các quầy giao dịch và điện thoại từ 11h30 - 12h. Lệnh chờ được lưu giữ trong hệ thống giao dịch của CTCK và sẽ chuyển vào hệ thống giao dịch các Sở khi bắt đầu phiên giao dịch buổi chiều ; Nhà đầu tư có thể Hủy/Sửa thông tin lệnh mới ở trên khi lệnh chưa chuyển vào hệ thống giao dịch của các Sở GD . Đồng thời Các lệnh chưa khớp ở phiên buổi sáng được tiếp tục có hiệu lực vào phiên buổi chiều.

12. Quy định chung

Tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 5% số cổ phiếu mỗi khi có giao dịch làm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành so với lần báo cáo gần nhất phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch trong vòng 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

Cổ đông nội bộ (Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên BKS, cổ đông lớn, người công bố thông tin & người có liên quan của những người này) của tổ chức niêm yết có ý định giao dịch cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành giao dịch sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ phía SGDCK. Cổ đông nội bộ phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết/tổ chức đăng ký giao dịch về kết quả thực hiện giao dịch trong vòng 03 ngày kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoặc kể từ khi hết thời hạn dự kiến giao dịch.

Nhà đầu tư nước ngoài có thể mua tối đa là 100% trên tổng số lượng CP/CCQ được niêm yết

Một số ký hiệu giao dịch

Ký hiệu về trạng thái chứng khoán

Ký hiệu	Ý nghĩa
P	Chứng khoán giao dịch bình thường
H	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch không quá 1 phiên giao dịch
SP	Chứng khoán bị ngừng giao dịch từ 2 phiên giao dịch trở lên
C	Chứng khoán thuộc diện kiểm soát
X	Chứng khoán bị hủy niêm yết

Ký hiệu của SGDCK về chứng khoán

Ký hiệu	Ý nghĩa
XD	Giao dịch không hưởng cổ tức
XR	Giao dịch không hưởng quyền kèm theo
XA	Giao dịch không hưởng cổ tức và quyền kèm theo
XI	Giao dịch không hưởng lãi trái phiếu

MỘT SỐ KÝ HIỆU GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT

Ký hiệu về trạng thái chứng khoán

Ký hiệu	Ý nghĩa
P	Chứng khoán giao dịch bình thường
H	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch không quá 1 phiên giao dịch
SP	Chứng khoán bị ngừng giao dịch từ 2 phiên giao dịch trở lên
C	Chứng khoán thuộc diện kiểm soát
X	Chứng khoán bị hủy niêm yết

Ký hiệu của SGDCK về chứng khoán

Ký hiệu	Ý nghĩa
XO	Giao dịch không hưởng cổ tức
XR	Giao dịch không hưởng quyền kèm theo
XA	Giao dịch không hưởng cổ tức và quyền kèm theo
XI	Giao dịch không hưởng lãi trái phiếu
SP	Ngừng giao dịch

CHƯƠNG 4

PHÂN TÍCH CHỨNG KHOÁN




NỘI DUNG

- ⇒ Phân tích cơ bản
- ⇒ Định giá chứng khoán
- ⇒ Phân tích kỹ thuật



PHÂN TÍCH CƠ BẢN

Phân tích cơ bản là tập hợp các khái niệm, phương pháp, công cụ cho phép xử lý các thông tin nhằm dự báo về chất lượng và số lượng của các dòng tiền mà cổ phiếu có thể mang lại cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến các dòng tiền.



NỘI DUNG

Phân tích
nền kinh
tế /phân
tích thị
trường

Phân tích
ngành/
khu vực

Phân tích
công ty

ĐỊNH GIÁ CHỨNG KHOÁN

➔ Định giá cổ phiếu

- Chiết khấu các luồng tiền có thể nhận được trong tương lai (cổ tức, giá bán chứng khoán ,...)

➔ Định giá trái phiếu

- Chiết khấu các dòng tiền hợp lý theo tỷ lệ chiết khấu thích hợp (lãi và khoản thanh toán lãi cuối kỳ)

ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU

$$P_0 = \sum \frac{DPS_t}{(1 + k_e)^t}$$

DPS_t : Cổ tức dự kiến nhận được năm t

k_e : Tỷ suất sinh lời kỳ vọng

$t (1;n)$, n : số kỳ phát sinh dòng cổ tức

Định giá cổ phiếu mô hình chiết khấu luồng cổ tức

➔ Hai giả định của mô hình chiết khấu luồng cổ tức với cổ tức tăng trưởng đều

- Mọi chỉ tiêu khác về hoạt động của công ty cũng phải có cùng tốc độ tăng trưởng này.
- Tỷ lệ tốc độ tăng trưởng ổn định hợp lý sẽ nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (trong dài hạn)

DDM với Cổ tức tăng trưởng đều

$$P_0 = \frac{DPS_1}{k_e - g} = \frac{DPS_0 x (1 + g)}{k_e - g}$$

DPS_1 : Cổ tức dự kiến trên mỗi cổ phần năm nay

DPS_0 : Cổ tức năm ngoái

g : Tỷ lệ tăng trưởng cổ tức trong suốt giai đoạn sau

ĐỊNH GIÁ TRÁI PHIẾU

*Giá trị trái phiếu = Giá trị hiện tại của các khoản lãi +
Giá trị hiện tại của mệnh giá*

$$P = \sum_{t=1}^T \frac{C}{(1+r)^t} + \frac{F}{(1+r)^T}$$

T : Số năm cho tới khi đáo hạn

C : Khoản thanh toán lãi định kỳ

F : Mệnh giá trái phiếu

r : Lãi suất chiết khấu

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Edward và Magee : “ Phân tích kỹ thuật là môn khoa học của *sự ghi nhận lại, thường là dưới dạng đồ thị, những hoạt động giao dịch diễn ra trong quá khứ gây ra những thay đổi về giá, khối lượng giao dịch,... của một chứng khoán bất kỳ hay với chung toàn bộ thị trường và sau đó dựa trên bức tranh về quá khứ đó để suy luận ra xu thế có thể xảy ra trong tương lai.* ”

GIẢ ĐỊNH

Giá cả phản ánh mọi thông tin

Giá cả vận động theo xu thế

Lịch sử có thể lặp lại

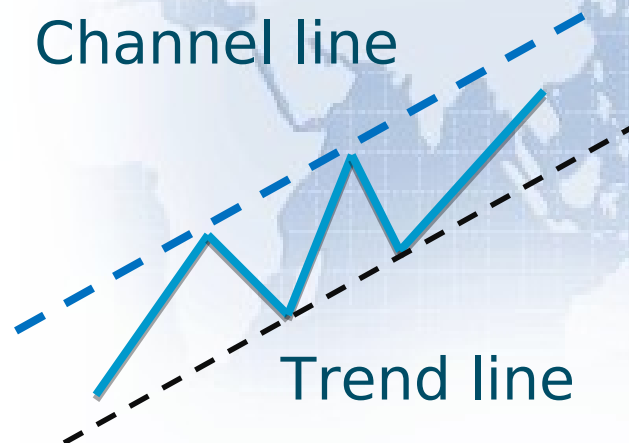
NỘI DUNG

- ➔ Một số khái niệm cơ bản
- ➔ Lý thuyết DOW
- ➔ Đồ thị và định dạng đồ thị
- ➔ Một số đường chỉ báo



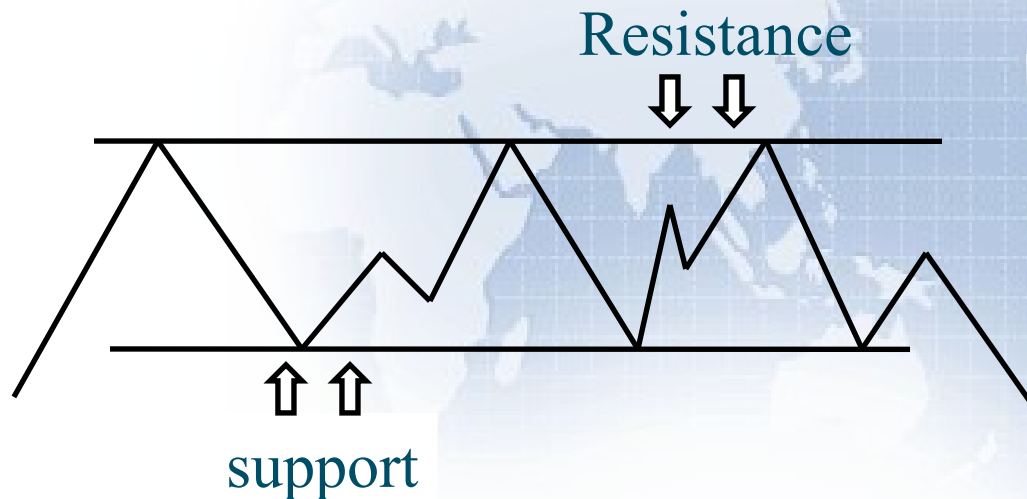
MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

- ➔ **Xu thế** : là chiều hướng biến động chung của giá
- ➔ **Đường xu thế** là đường nối các đỉnh của xu thế giá xuống hoặc nối các đáy của xu thế giá lên
- ➔ **Kênh** : Là khoảng giao động của giá
- ➔ **Đường kênh** : là đường song song với đường xu thế



HỖ TRỢ - KHÁNG CỰ

- ➔ **Mức hỗ trợ** là mức giá, tại đó lượng cầu trên thị trường là đủ lớn để ngăn chặn xu hướng giảm giá cổ phiếu.
- ➔ **Mức kháng cự** là mức giá, tại đó lượng cung là đủ lớn để ngăn chặn xu hướng tăng giá cổ phiếu.



LÝ THUYẾT DOW

➔ *Xu thế cấp 1 (xu thế chính) : > 1 năm*

➔ **Có 2 dạng :**

- Thị trường đầu cơ giá lên (bull market)
- Thị trường đầu cơ giá xuống (bear market)

➔ *Xu thế cấp 2 (xu thế trung gian) : 1 – 3 tháng*

➔ *Xu thế 3 (xu thế nhỏ) : < 1 tháng*

DOW – Bull Market



ĐỒ THỊ

➔ Đồ thị trong PTKT là biểu diễn bằng đồ thị của giá chứng khoán theo thời gian.

- Đồ thị dạng đường
- Đồ thị dạng bar
- Đồ thị dạng cây nến - candlestick



ĐỒ THỊ DẠNG ĐƯỜNG

Đồ thị dạng đường : Biểu thị giá đóng cửa theo thời gian

KCAP (Kohlberg Capital Corp.) Nasdaq GS

© StockCharts.com

2-Jun-2008 O 12.97 H 13.08 L 11.35 C 11.44 V 503.4K Chg -1.91 (-14.31%) ▼

— KCAP (Daily) 11.44



ĐỒ THỊ DẠNG THEN (bar)

➔ Đồ thị dạng then chắn (dạng cột)

- Các số liệu được biểu diễn theo cột thẳng đứng : Giá cao nhất, giá thấp nhất, giá đóng cửa, giá mở cửa
- Giá lên : xanh hoặc đen, Giá xuống : đỏ
- *Có 2 dạng then chắn :*



Đồ thị dạng bar

KCAP (Kohlberg Capital Corp.) Nasdaq GS

© StockCharts.com

2-Jun-2008 O 12.97 H 13.08 L 11.35 C 11.44 V 503.4K Chg -1.91 (-14.31%) ▼

Open/High/Low/Close Bar

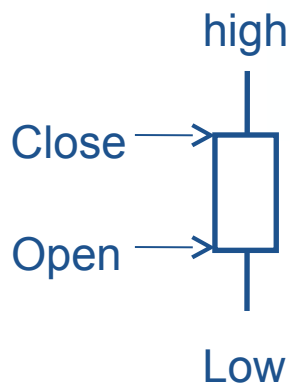


ĐỒ THỊ DẠNG NẾN

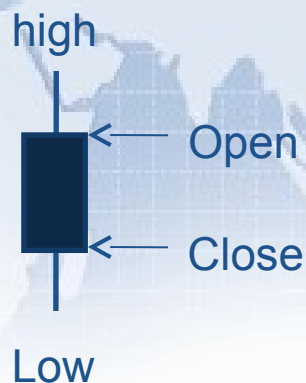
⇒ Đồ thị dạng cây nến (candlestick)

- Các số liệu được biểu diễn theo cột thẳng đứng và thanh rộng biểu thị chênh lệch giá mở và đóng
- Màu trắng, xanh: giá tăng. Màu đỏ, đen: giá giảm

White body



Black body



Doji



candlestick

3/1/2010



ĐỊNH DẠNG ĐỒ THỊ

⇒ *Định dạng đồ thị là các hình dạng rõ rệt của đồ thị của cổ phiếu cho biết tín hiệu mua bán hoặc sự biến động giá trong tương lai.*

⇒ **Có 2 loại định dạng :**

- *Định dạng đảo ngược : cho biết tín hiệu đảo chiều của xu thế trước đó:*
- *Định dạng liên tục : cho biết tín hiệu tiếp tục duy trì xu thế trước đó.*

ĐỊNH DẠNG ĐẦU - VAI

⇒ *Là định dạng đảo ngược cho biết dấu hiệu đảo chiều của xu thế trước đó.*

- *Bao gồm : 2 vai, 1 đầu và 1 đường vai*
- *Đường vai: đường nối 2 đỉnh - xu thế giá giảm hoặc 2 đáy - xu thế giá tăng của 2 vai*
- *Tín hiệu : Đường giá giao với đường vai → xác định xu thế đảo chiều*

Đỉnh - Đầu - Vai

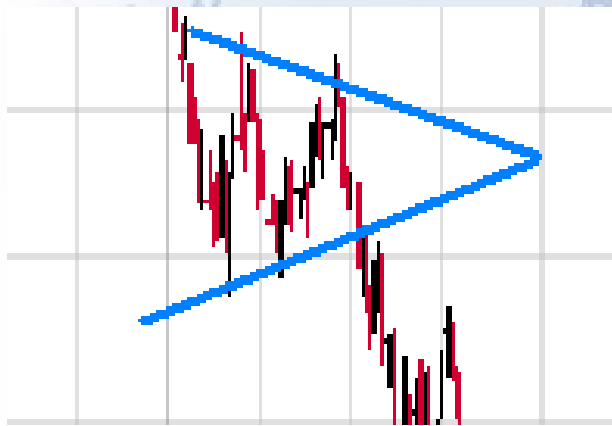
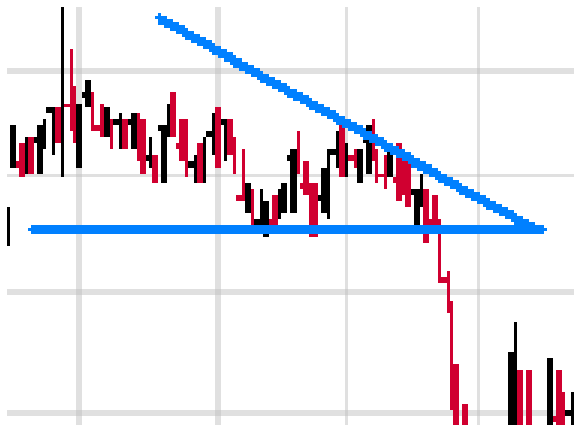


Đáy – Đầu - Vai



ĐỊNH DẠNG TAM GIÁC

- ➔ Là định dạng liên tục
- ➔ Đường giá giao cạnh trên hoặc cạnh dưới của tam giác → xác định xu thế mới



Định dạng tam giác



MỘT SỐ CHỈ BÁO KỸ THUẬT

- ⇒ SMA
- ⇒ MACD
- ⇒ Bollinger band
- ⇒ RSI
- ⇒ V.v.

ĐƯỜNG BÌNH QUÂN ĐỘNG - MA

➔ Thể hiện các mức giá bình quân của chứng khoán trong một khoảng thời gian nhất định, loại bỏ được sự dao động giá hàng ngày

➔ Mục đích :

- Xác định giá bình quân của chứng khoán trong một khoảng thời gian nhất định
- Khắc phục được hạn chế của các định dạng đồ thị : Khó nắm bắt xu hướng

Trung bình động giản đơn - SMA

➔ Cách tính :

$$SMA_n = \frac{\sum P_n}{n}$$

➔ *Số ngày tính càng nhỏ thì đường SMA càng bám sát đường giá thực tế*

➔ Ký hiệu :

- MA (n) : MA(5), MA(10),....
- SMA(n) : SMA (5), SMA (10),...

SMA

QQQQ (PowerShares QQQ Trust) Nasdaq GM

© StockCharts.com

31-Oct-2008 O 32.36 H 33.43 L 32.09 C 32.89 V 224.3M Chg +0.05 (+0.15%) ▲



MACD

⇒ Cách tính :

$$MACD = MA(26) - MA(12)$$

⇒ MA(9) đóng vai trò là đường tín hiệu - signal line

⇒ Hội tụ - phân kỳ :

- Nếu MA di chuyển cùng xu hướng với đường giá → *support cho xu thế hiện tại của giá*
- MA di chuyển ngược xu hướng với đường giá → khả năng xu thế giá sẽ *đảo chiều trong tương lai*

⇒ MACD cắt đường tín hiệu (hoặc đường 0) từ dưới lên → xu hướng giá tăng → tín hiệu Mua

⇒ MACD cắt đường tín hiệu (hoặc đường 0) từ trên xuống → xu hướng giá giảm → tín hiệu Bán

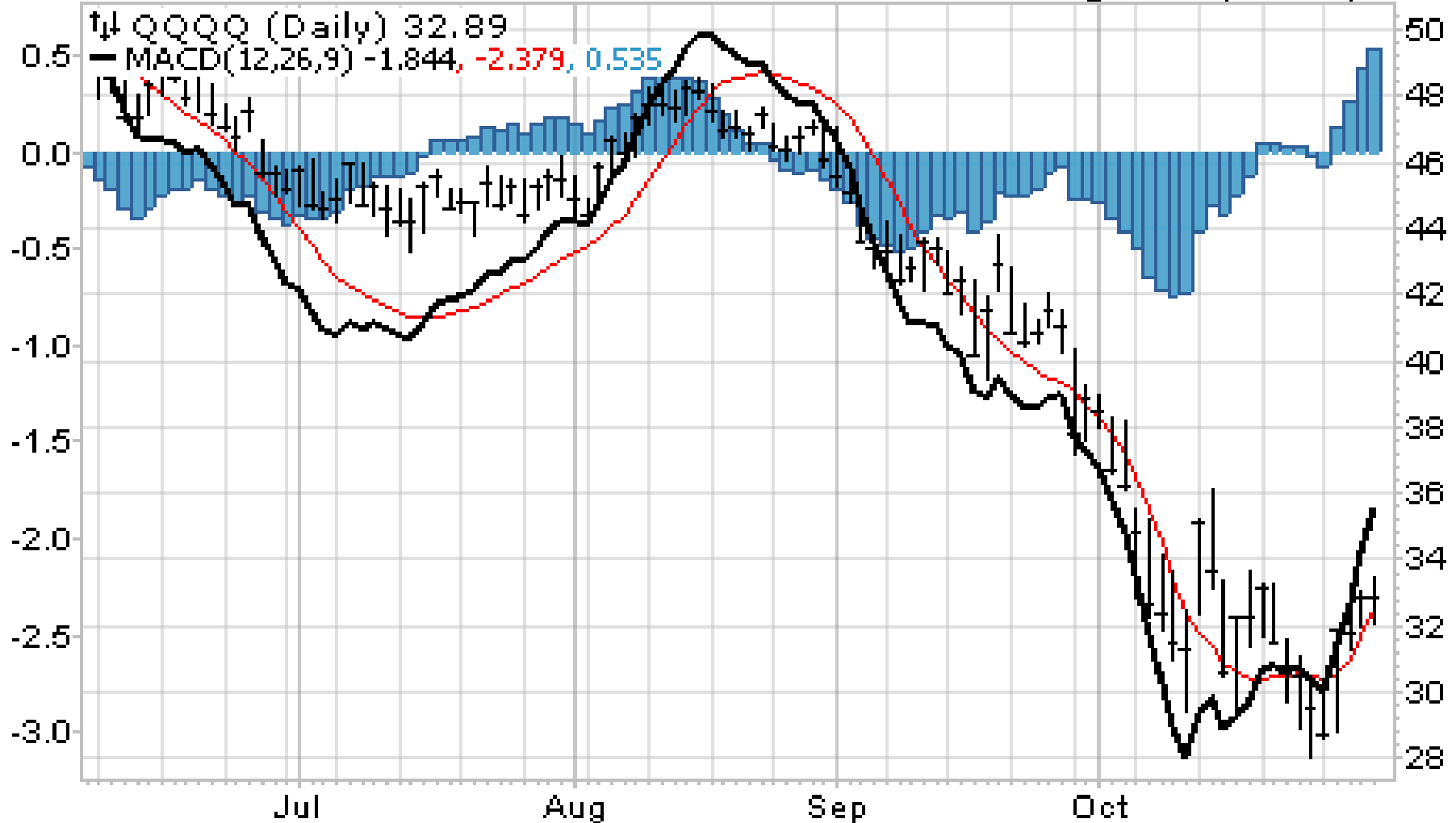
MACD

QQQQ (PowerShares QQQ Trust) Nasdaq GM

© StockCharts.com

31-Oct-2008

Close 32.89 Volume 224.3M Chg +0.05 (+0.15%) ▲



BOLLINGER BAND

MENV (Micron Enviro Systems) Nasdaq BB

© StockCharts.com

3-Nov-2008

Close 0.0060 **Volume** 292.5K **Chg** -0.0010 (-14.29%) ▼

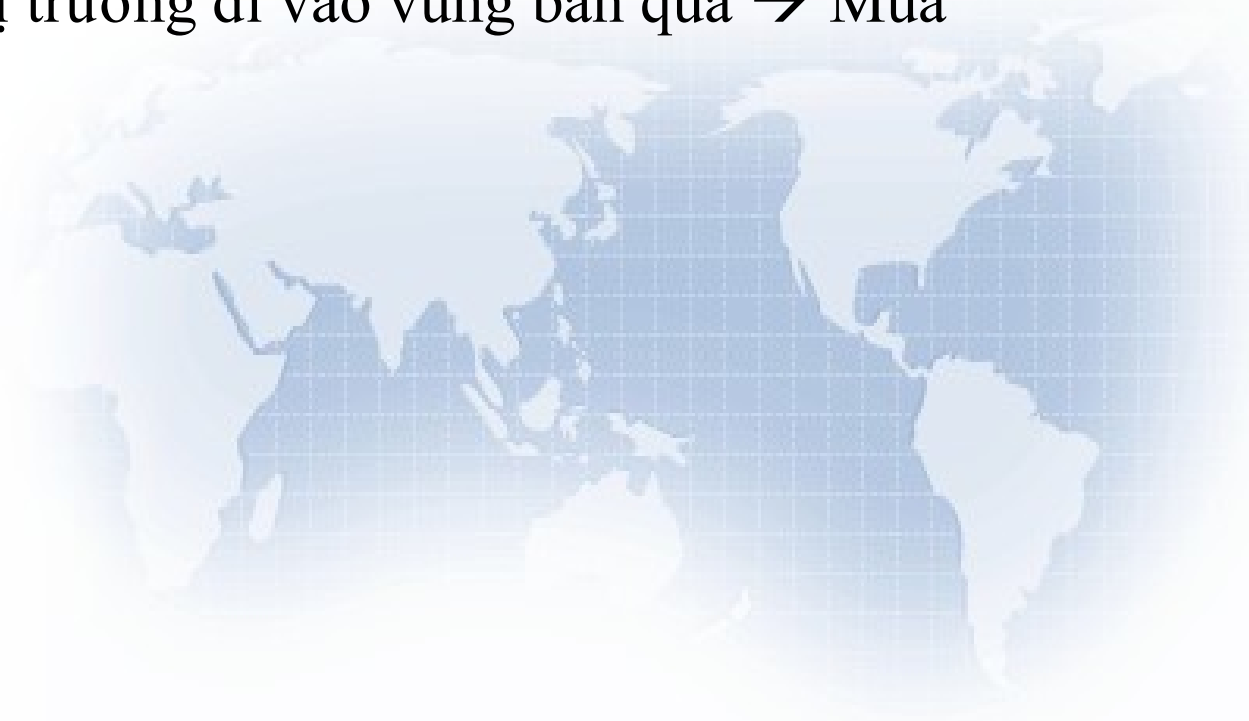
MENV (Daily)



➔ **RSI : Đường chỉ số sức mạnh bình quân**

➔ **Xu hướng :**

- $RSI > 70$: thị trường đi vào vùng mua quá → Bán
- $RSI < 30$: Thị trường đi vào vùng bán quá → Mua



VN-index

VN-INDEX

Nov 17, 2009 - Daily chart

(c) www.fpts.com.vn

